

Bản án số 53/2017/HSST  
Ngày 06-7-2017

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH QUẢNG NAM**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Lộc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Tin,
2. Ông Nguyễn Văn Thông.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:** Ông Võ Tấn Triệu, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2017/TLST-HS ngày 05-6-2017 đối với bị cáo:

**TĐP**, sinh ngày 23 tháng 6 năm 1988; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khối phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: Khối phố C, phường D, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; con ông TĐD, sinh năm 1963 và bà NTH, sinh năm 1964; có vợ tên là TTPU, sinh năm 1992 và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Ngày 23-7-2012, bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị bắt, tạm giam ngày 10-02-2017; có mặt tại phiên tòa.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ NLQ1, sinh năm 1990; trú tại: Khối phố 5, phường D, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

2/ NLQ2, sinh năm 1992; trú tại: Tổ 31, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3/ NLQ3, sinh năm 1996; trú tại: Khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

4/ NLQ4, sinh năm 1990; trú tại: Khối phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

5/ NLQ5, sinh năm 1990; trú tại: Khối phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

6/ NLQ6, sinh năm 1985; trú tại: Khối phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

## NHẬN THẤY:

*Bị cáo TĐP bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố về hành vi sau:*

Vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 10 tháng 02 năm 2017, tại số 01 đường T, thành phố T (Bưu điện tỉnh Quảng Nam), Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Nam phát hiện bị cáo TĐP đang cầm trên tay 02 gói bưu phẩm được gói bằng thùng carton dán kín xung quanh, một thùng carton màu đỏ đen có kích thước 10cm x 24cm x 29cm ghi tên người nhận: Nguyễn P, địa chỉ: 2/11 H, thành phố T, số điện thoại 0935923293, phí COD: 5.150.000đ và một thùng carton màu đen có kích thước 9cm x 19cm x 27cm, ghi tên người nhận: NLQ2, địa chỉ: 22/8H, thành phố T, số điện thoại 0934923309, phí COD: 5.150.000đ. Bị cáo P khai nhận 02 thùng carton là của P (trong đó 01 thùng ghi tên người nhận là P và 01 thùng ghi tên người nhận là NLQ2 - vợ của P), P vừa thanh toán tiền cước bưu điện 02 thùng carton trên với tổng số tiền là: 10.300.000đ, bên trong 02 thùng carton là ma túy loại cỏ Mỹ, P mua của một người thanh niên không rõ lai lịch ở Thành phố Hồ Chí Minh chuyển qua đường bưu điện về thành phố T để bán lại kiếm lời. Kiểm tra trong túi quần của bị cáo P phát hiện trong ví da có số tiền: 580.000đ, 01 bao ni lông màu đen kích thước 9cm x 9cm phía trước có hình hoa văn, dưới có ghi chữ BURBERRY ESTABLISHED 1856, phía sau có hình hoa văn ghi dòng chữ MADE IN AUSTRALIAN; 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng. Lần lượt mở 02 thùng carton của bị cáo P để kiểm tra, phát hiện trong thùng carton màu đỏ đen kích thước 10cm x 24cm x 29cm có 40 vỏ bao ni lông màu đen kích thước 9cm x 9cm phía trước có hình hoa văn, hàng dưới có ghi chữ BURBERRY ESTABLISHED 1856, phía sau có hình hoa văn ghi dòng chữ MADE IN AUSTRALIAN, 03 bao ni lông màu bạc bên trong có chứa nhiều lá thảo mộc cắt vụn. Kiểm tra bên trong thùng carton màu đen kích thước 9cm x 19cm x 27cm phát hiện 05 bao ni lông màu bạc bên trong có chứa nhiều lá thảo mộc đã cắt vụn và 09 viên thuốc tân dược hình con nhộng màu vàng. Bị cáo P khai tất cả số lá thảo mộc cắt vụn trên là ma túy loại cỏ Mỹ, bị cáo P mua về để bán lại kiếm lời nhưng chưa kịp bán thì bị Cơ quan Công an phát hiện. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo TĐP về hành vi “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tang vật thu giữ gồm: 08 bao ni lông chứa thảo mộc cắt vụn (đã được niêm phong); 01 hộp nhựa chứa 09 viên thuốc tân dược màu vàng (đã niêm phong); 40 vỏ bao ni lông màu đen (đã niêm phong); 01 vỏ bao ni lông màu đen thu giữ trong ví TĐP (đã được niêm phong); 01 chiếc điện thoại di động OPPO màu trắng bên trong có sim 0935923293 (đã được niêm phong); số tiền 580.000đ (tiền trong túi của P); số tiền 10.300.000đ (tiền mua cỏ Mỹ và tiền cước trả cho Bưu điện).

Ngày 10-02-2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC47) Công an tỉnh Quảng Nam thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp tại nhà ở của bị cáo P tại phường D, thành phố T, tỉnh Quảng Nam nhưng không thu giữ được tài liệu, đồ vật gì có liên quan.

Tại Kết luận giám định số 94/C54C(Đ4) ngày 21-02-2017 của Phân Viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Phần thân, lá của cây thực vật khô đựng trong 08 gói ni lông ký hiệu từ 01 đến 08 gửi giám định đều không tìm thấy các chất ma túy thường gặp và có tìm thấy thành phần chất AMB-

FUBINACA. AMB-FUBINACA là một loại cần sa tổng hợp hiện không nằm trong danh mục các chất ma túy do Chính phủ Việt Nam ban hành.

Quá trình điều tra xác định:

Trong thời gian tháng 01-2017 và tháng 02-2017, bị cáo P đã nhiều lần mua cỏ Mỹ của người thanh niên tên Cu N (không rõ lai lịch) đem về sử dụng và phân lẻ bán lại cho nhiều đối tượng, cụ thể như sau:

1. Bán cho NLQ3 05 lần ma túy loại cỏ Mỹ:

- Lần 1: Khoảng đầu tháng 01-2017, NLQ3 điện thoại cho bị cáo P theo số điện thoại 0935923293 hỏi mua một gói ma túy loại cỏ Mỹ giá 700.000 đồng, bị cáo P đồng ý hẹn NLQ3 đến nhà trọ của P tại khối phố C, phường D, thành phố T để P bán ma túy loại cỏ Mỹ. Tại đây, NLQ3 đưa cho bị cáo P 700.000 đồng, P nhận tiền và đưa lại NLQ3 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ, NLQ3 đem gói ma túy loại cỏ Mỹ về sử dụng.

- Lần 2: Cũng khoảng tháng 01-2017, NLQ3 điện thoại cho bị cáo P theo số điện thoại 0935923293 hỏi mua một gói ma túy loại cỏ Mỹ giá 300.000 đồng và cũng tại nhà trọ của P tại khối phố C, phường D, thành phố T, P đã bán cho NLQ3 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ với giá 300.000 đồng, NLQ3 đem gói ma túy về sử dụng.

- Lần 3: Khoảng cuối tháng 01-2017, NLQ3 điện thoại cho bị cáo P theo số điện thoại 0935923293 hỏi mua 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ giá 400.000 đồng và cũng tại nhà trọ của P, P đã bán cho NLQ3 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ với giá 400.000 đồng, NLQ3 đem gói ma túy về sử dụng.

- Lần 4: Khoảng tháng 02-2017, NLQ3 điện thoại cho bị cáo P theo số điện thoại 0935923293 hỏi mua 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ giá 1.000.000 đồng và cũng tại nhà trọ của P, P đã bán cho NLQ3 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ với giá 1.000.000 đồng, NLQ3 đem gói ma túy về sử dụng.

- Lần 5: Cũng vào tháng 02-2017, NLQ3 điện thoại cho bị cáo P theo số điện thoại 0935923293 hỏi mua 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ giá 800.000 đồng, và cũng tại nhà trọ của P, P đã bán cho NLQ3 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ với giá 800.000 đồng, NLQ3 đem gói ma túy về sử dụng.

2. Bán cho NLQ4 03 lần, mỗi lần 01 gói ma túy loại Cỏ Mỹ:

- Lần 1: Khoảng 11 giờ ngày 08-02-2017, NLQ4 điện thoại cho bị cáo P theo số 0935923293 hỏi mua 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ giá 50.000 đồng. P đồng ý và hẹn NLQ4 đến quán cà phê trước Trường Cao đẳng K, khối phố E, phường D, thành phố T để P bán ma túy. Tại đây, NLQ4 đưa cho bị cáo P 50.000 đồng, P nhận tiền và đưa lại cho NLQ4 một gói ma túy loại cỏ Mỹ. Sau đó, NLQ4 đem gói ma túy về sử dụng.

- Lần 2 và lần 3: Trước đó, vào cuối tháng 01-2017, cũng tại quán cà phê trước Trường Cao đẳng K, bị cáo P đã bán cho NLQ4 02 lần, mỗi lần 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ giá 50.000 đồng, NLQ4 mang hai gói ma túy về sử dụng hết.

3. Bán cho NLQ5 03 lần, mỗi lần 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 09 giờ ngày 08-02-2017, NLQ5 điện thoại cho bị cáo P theo số 0935923293 hỏi mua 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ giá 50.000 đồng, bị cáo P đồng ý và hẹn NLQ5 đến quán cà phê trước Trường Cao đẳng K để bán ma túy.

Tại đây, bị cáo P đã bán cho NLQ5 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ với giá 50.000 đồng, NLQ5 đem gói ma túy về sử dụng.

- Lần 2 và lần 3: Vào cuối tháng 01-2017, cũng tại quán cà phê trước Trường Cao đẳng K, bị cáo P đã bán cho NLQ5 02 lần, mỗi lần 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ giá 50.000 đồng, NLQ5 mang gói ma túy về sử dụng.

4. Bán cho NLQ6 01 lần 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ giá 100.000 đồng, cụ thể: Khoảng 23 giờ ngày 07-02-2017, NLQ6 điện thoại cho bị cáo P theo số 0935923293 hỏi mua 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ giá 100.000 đồng. Bị cáo P hẹn NLQ6 đến phía sau quán Karaoke X, phường D, thành phố T để P bán ma túy. Tại đây, bị cáo P đã bán cho NLQ6 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ với giá 100.000 đồng, NLQ6 đem gói ma túy về sử dụng.

5. Vào tháng 01-2017, bị cáo P bán ma túy loại cỏ Mỹ cho một thanh niên tên H (không rõ lai lịch) 02 lần, mỗi lần một gói ma túy với giá 250.000 đồng, bán cho một thanh niên tên T (không rõ lai lịch) 02 lần, mỗi lần một gói cỏ Mỹ với giá 30.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng tháng 01-2017, bị cáo P cũng mua của người có tên Ma Thuan C, địa chỉ 72A/18C, phường L, quận M, thành phố Hồ Chí Minh, số điện thoại 0902251091 giúp cho Cu N 01 gói ma túy loại cỏ Mỹ giá 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), sau khi mua được ma túy loại cỏ Mỹ, P đem về đưa cho Cu N thì Cu N đã trả công cho bị cáo P 500.000 đồng và cho ma túy loại cỏ Mỹ để P sử dụng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam tiến hành làm việc và cho các đối tượng NLQ4, NLQ6, NLQ5, NLQ3 nhận dạng bị cáo TĐP qua ảnh thì các đối tượng NLQ4, NLQ6, NLQ5, NLQ3 đã nhận ra và khẳng định chính bị cáo TĐP là người đã bán ma túy loại cỏ Mỹ cho mình để sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 30-5-2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo TĐP về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo TĐP về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù; áp dụng khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo P từ 05 triệu đến 10 triệu đồng; áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo TĐP khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện và đồng ý với tội danh như cáo trạng đã truy tố.

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng,*

**XÉT THẤY:**

Từ tháng 01-2017 đến tháng 02-2017, bị cáo TĐP đã nhiều lần mua trái phép loại Cỏ Mỹ của người đàn ông tên Cu N (không rõ lai lịch) về sử dụng cho bản thân và bán lại cho các đối tượng NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6 để kiếm lời. Ngày 10-02-2017, khi bị cáo đang nhận Cỏ Mỹ và 09 viên thuốc tân dược của người không rõ lai lịch tại Thành phố Hồ Chí Minh gửi cho bị cáo qua đường bưu điện thì bị bắt quả tang và thu giữ cùng tang vật.

Tại Kết luận giám định số 94/C54C(Đ4) ngày 21-02-2017 của Phân Viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Đà Nẵng, kết luận: Phần thân, lá của cây thực vật khô đựng trong 08 gói ni lông thu giữ của bị cáo TĐP có tổng trọng lượng 990,21 gam, trong các gói đều không tìm thấy các chất ma túy thường gặp và có tìm thấy thành phần chất AMB-FUBINACA, AMB-FUBINACA là một loại cần sa tổng hợp hiện không nằm trong danh mục các chất ma túy do Chính phủ Việt Nam ban hành; đối với 09 viên thuốc hình con nhộng màu vàng gửi giám định có tổng trọng lượng mẫu 0,557gam, không tìm thấy các chất ma túy thường gặp.

Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24-12-2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của Bộ luật Hình sự năm 1999 ghi rõ: *"Nếu chất giám định không phải là chất ma túy hoặc không phải là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, nhưng người thực hiện hành vi ý thức rằng chất đó là chất ma túy hoặc chất đó là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, thì tùy hành vi phạm tội cụ thể mà truy cứu trách nhiệm hình sự người đó theo tội danh quy định tại khoản 1 của điều luật tương ứng đối với các tội phạm về ma túy"*.

Theo như lời khai của bị cáo TĐP thì trước, trong và sau khi thực hiện hành vi, bị cáo ý thức rõ Cỏ Mỹ là một loại chất ma túy và khi mua bán, bị cáo lén lút thực hiện và lo sợ bị phát hiện, vì vậy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét, AMB-FUBINACA (Cỏ Mỹ) là một loại cần sa tổng hợp, tuy chưa có trong danh mục các chất ma túy và tiền chất do Chính phủ Việt Nam quy định, nhưng đây là chất kích thích, việc sử dụng sẽ ảnh hưởng đến hệ thần kinh của con người, gây ảnh hưởng tiêu cực đến cá nhân người sử dụng và trật tự an toàn xã hội. Bản thân bị cáo đã sử dụng Cỏ Mỹ nên nhận thức rất rõ tác hại của nó, nhưng để có tiền tiếp tục mua sử dụng cho bản thân, bị cáo đã bất chấp pháp luật, mua Cỏ Mỹ và bán lại nhiều lần cho nhiều người. Hành vi của bị cáo là cố ý, nguy hiểm cho xã hội, trước đây bị cáo đã bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù tương xứng nhằm răn đe, giáo dục bị cáo, phòng ngừa chung cho xã hội. Ngoài hình phạt chính, xét cần xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để tăng tính nghiêm minh của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là lao động chính trong gia đình,

có con còn nhỏ; đã tác động gia đình giao nộp một phần thu lợi bất chính từ việc bán Cỏ Mỹ, nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 thùng niêm phong số 94/C54C(Đ4) của Phân Viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Đà Nẵng; 01 phong bì đã được niêm phong bên trong có 40 bao ni lông màu đen kích thước 9cmx9cm, phía trước có hình hoa văn dưới có ghi chữ BVRBERRY ESTABLISHGD 1856, phía sau có hình hoa văn ghi dòng chữ MADE IN AUSTRALIA; 01 phong bì đã được niêm phong bên trong có 01 bao ni lông màu đen kích thước 9cmx9cm phía trước có hình hoa văn dưới có ghi chữ BVRBERRY ESTABLISHGD 1856, phía sau có hình hoa văn ghi dòng chữ MADE IN AUSTRALIA; 01 thùng carton màu đỏ đen có kích thước 10cmx24cmx29cm ghi tên Nguyễn P, 2/11 H, thành phố T, Quảng Nam, số điện thoại 0935923293, COD: 5.150.000 đồng; 01 thùng carton màu đen có kích thước 9cmx19cmx27cm ghi tên NLQ2, 22/8 H, thành phố T, Quảng Nam, số điện thoại 0934923309, COD: 5.150.000 đồng; 01 sim điện thoại số 0935923293 đã thu giữ của bị cáo TĐP, là các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với xe mô tô biển số 92F9-3376 nhãn hiệu Honda, loại AIRBLADE là tài sản thuộc sở hữu của NLQ1 (sinh năm 1990; trú tại khối phố 5, phường D, thành phố T, tỉnh Quảng Nam), L cho NLQ2 (là vợ bị cáo P) mượn đi lại. Bị cáo P tự ý lấy xe mô tô này thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. NLQ1, NLQ2 không biết mục đích để thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Kỳ đã trả lại xe mô tô 92F9 - 3376 cho chủ sở hữu NLQ1, là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, bị cáo đã sử dụng vào việc mua bán trái phép Cỏ Mỹ, nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 4.660.000 đồng là tiền bị cáo bán Cỏ Mỹ có được, cần truy thu sung công quỹ Nhà nước. Gia đình của bị cáo đã giao nộp số tiền 350.000 đồng, nên tiếp tục tạm giữ số tiền này.

- Đối với số tiền 580.000 đồng đã thu giữ của bị cáo TĐP, là tiền cá nhân của bị cáo, nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 10.300.000 đồng là tiền của bị cáo P mua Cỏ Mỹ và tiền thanh toán cước phí cho bưu điện, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Cần tiếp tục tạm giữ tất cả số tiền trên (tổng cộng là 11.230.000 đồng) để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với tài khoản Facebook “Cần là có”, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có văn bản gửi đến Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm công nghệ cao C50 (Bộ Công an) đề nghị cung cấp lai lịch chủ tài khoản đăng ký Facebook, nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục theo dõi, xác minh xử lý sau.

Đối với bưu phẩm mà bị cáo nhận có ghi tên người nhận là NLQ2, địa chỉ: 22/8 H, thành phố T, số điện thoại 0934923309. Qua điều tra xác định tên TTPU, địa chỉ, số điện thoại là của vợ bị cáo P, do bị cáo P yêu cầu người bán ma túy loại cỏ Mỹ ghi địa chỉ người nhận, số điện thoại của vợ mình, nhưng U không biết việc

làm này của bị cáo P, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở xử lý đối với TTPU.

Đối với người thanh niên tên Cu N (không rõ lai lịch) trú tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam đã bán ma túy cho bị cáo P, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được lai lịch cụ thể, nên không đề cập xử lý.

Đối với hai thanh niên tên Bi và T đã mua ma túy của bị cáo P, do không xác định được lai lịch cụ thể của hai thanh niên này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý.

Đối với các đối tượng có địa chỉ người gửi là Ma Thuan C, 72A/18 C, phường L, quận M, thành phố Hồ Chí Minh, số điện thoại 0902251091. Quá trình điều tra, không xác định rõ được lai lịch tên Ma Thuan C, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở để xử lý.

Đối với NLQ6 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Nam đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo TĐP phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo TĐP phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo TĐP 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam (ngày 10-02-2017).

Áp dụng khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999. Xử phạt bổ sung đối với bị cáo TĐP 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Căn cứ vào Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (*Một*) thùng niêm phong số 94/C54C(Đ4) của Phân Viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Đà Nẵng; 01 (*Một*) phong bì đã được niêm phong bên trong có 40 (*Bốn mươi*) bao ni lông màu đen kích thước 9cmx9cm, phía trước có hình hoa văn dưới có ghi chữ BVRBERRY ESTABLISHGD 1856, phía sau có hình hoa văn ghi dòng chữ MADE IN AUSTRALIA; 01 (*Một*) phong bì đã được niêm phong bên trong có 01 (*Một*) bao ni lông màu đen kích thước 9cmx9cm phía trước có hình hoa văn dưới có ghi chữ BVRBERRY ESTABLISHGD 1856, phía sau có hình hoa văn ghi dòng chữ MADE IN AUSTRALIA; 01 (*Một*) thùng carton màu đỏ đen có kích thước 10cmx24cmx29cm ghi tên Nguyễn P, 2/11H, thành phố T, Quảng Nam, số điện thoại 0935923293, COD: 5.150.000 đồng; 01 (*Một*) thùng carton màu đen có kích thước 9cmx19cmx27cm ghi tên NLQ2, 22/8H, thành phố T, Quảng Nam, số điện thoại 0934923309, COD: 5.150.000 đồng; 01 (*Một*) sim điện thoại số 0935923293 đã thu giữ của bị cáo TĐP.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (*Một*) chiếc điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng đã thu giữ của bị cáo TĐP sử dụng vào việc mua bán Cỏ Mỹ.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 10.300.000đ (Mười triệu ba trăm ngàn đồng) là tiền mà bị cáo TĐP mua trái phép chất ma túy và tiền thanh toán cước phí cho bưu điện.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 4.660.000đ (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) là tiền mà bị cáo TĐP bán trái phép chất ma túy có được. Gia đình của bị cáo đã nộp thay số tiền 350.000 đồng, cần tiếp tục tạm giữ số tiền này.

- Trả lại cho bị cáo TĐP số tiền 580.000 đồng là tiền cá nhân đã bị tạm giữ.

Tiếp tục tạm giữ tất cả các khoản tiền mặt trên (tổng cộng là 11.230.000 đồng) để đảm bảo việc thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu bị cáo TĐP không chịu thi hành các khoản tiền trên (tiền phạt, tiền truy thu) thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

(Những vật chứng trên và số tiền 350.000 đồng đang được tạm giữ tại Tòa án nhân dân thành phố T, riêng số tiền 10.880.000 đồng đang được tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Nam theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 07-3-2017)

Bị cáo TĐP phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh, thành phố;
- Tòa án tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Phòng PV27 Công an tỉnh;
- Chi cục THADS thành phố;
- Công an thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Quốc Lộc**